TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15 /2017/HSST
Ngày 28/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lại Hùng Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Lê Khả Hòa, nghề nghiệp: Cán bộ,

Nơi công tác: Hội chữ thập đỏ huyện Đ

2- Ông Lê Đình Hưng, nghề nghiệp: Cán bộ,

Nơi công tác: Hội khuyến học huyện Đ.

Thư ký phiên toà: bà Đoàn Thị Minh Chinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28/7/2017, tại Hội trường Ủy ban nhân dân (UBND) xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2017/HSST ngày 20/6/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Rơ Lan N**, sinh năm 1986 tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: làng D, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Jrai; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Puih D, sinh năm 1957 và bà Rơ Lan H, sinh năm: 1962; Bị cáo có vợ tên Rơ Mah P, sinh năm 1988 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/4/2017 đến ngày 04/4/2017. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại, hôm nay có mặt tại phiên tòa.

+ *Người bào chữa cho bị cáo*: bà Trang Thị Thùy D, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai, có mặt;

+ Nguyên đơn dân sự: Công an xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn H – Phó Trưởng Công an xã I, có mặt;

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Rơ Mah G, sinh năm 1997, địa chỉ: Làng P, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt;

2. Bà Rơ Lan H, sinh năm 1962, địa chỉ: Làng D, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt;

+ *Người phiên dịch*: ông Kpuih N, Công tác tại Ủy ban MTTQVN huyện Đ, có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 14 giờ 00’ ngày 01/04/2017, Rơ Lan N, sau khi đi chơi về và đi ngang qua Uỷ ban nhân dân xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai thì thấy tại bãi tạm giữ xe của Công an xã Icó để chiếc xe biển kiểm soát: 81U1–118.05, nhãn hiệu Exciter, màu vàng xanh (của anh Rơ Mah G, sinh năm 1997, trú tại: Làng P, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, xe này do Công an xã I đang tạm giữ về hành vi vi phạm giao thông), N nảy sinh ý định trộm cắp. N đi về nhà mẹ đẻ là bà Rơ Lan H gần đó, lấy một chiếc kìm cộng lực và quay lại Ủy ban nhân dân xã I. Khi đến nơi N quan sát không thấy có ai trông coi nên đã đi vào dùng kìm cộng lực cắt dây xích và trộm cắp xe này. N dắt xe đến đoạn đường liên thôn thuộc làng D, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai thì bị Công an xã I, huyện Đ bắt quả tang.

Tại kết luận định giá tài sản số 05 ngày 04/04/2017 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận : Chiếc xe mô tô trên trị giá : 34.100.000 đồng

Tại Bản Cáo trạng số 11/CTr-VKS ngày 19/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Rơ Lan N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Rơ Lan N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 45 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Rơ Lan N từ 15 đến 18 tháng tù.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra Công an huyện Đ trả chiếc xe bị cáo N trộm cắp cho Công an xã I là có căn cứ. Đề nghị trả chiếc kìm cộng lực cho bà Rơ Lan H.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo công nhận hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, đều thành khẩn khai nhận tội, ăn năn hối cải; quá trình điều tra, bị cáo N đã đề nghị được bồi thường giá trị dây xích mà bị cáo đã làm hư hỏng nhưng Công an xã I không nhận; bố bị cáo có tham gia cách mạng; gia đình bị cáo có thân nhân là liệt sỹ. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xử điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Rơ Lan N tử 3 đến 4 tháng tù cho hưởng án treo.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu. Do đó, có đủ cơ sở để nhận định:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 01/04/2017, Rơ Lan N đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô BKS: 81U –118.05 tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (chiếc xe này do Công an xã Iquản lý). Sau đó bị Công an xã I bắt quả tang. Chiếc xe bị cáo trộm cắp trị giá: 34.100.000đ (Ba mươi bốn triệu một trăm ngàn đồng). Bị cáo thực hiện hành vi một cách cố ý, khi thực hiện hành vi phạm tội đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực hành vi đầy đủ. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo ham thích loại xe Exciter và muốn có loại xe này để sử dụng. Bản thân bị cáo là người lười lao động không lo làm ăn để kiếm tiền mua xe. Khi phát hiện chiếc xe loại xe Exciter đang để tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ikhông có người trông coi, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe này.

Thấy rằng, quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác đều phải phải được xử lý. Bị cáo đã có hành vi trộm cắp chiếc xe máy của người khác. Hành vi này của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý ngiêm minh.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, nguyên nhân phạm tội của bị cáo. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; quá trình điều tra, bị cáo N đã đề nghị được bồi thường giá trị dây xích mà bị cáo đã làm hư hỏng nhưng Công an xã I không nhận, đây được xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự nhưng tính chất giảm nhẹ này không đáng kể; Gia đình bị cáo có người thân là Liệt sỹ, bố bị cáo có tham gia cách mạng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ nghèo là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Tuy bố bị cáo có tham gia cách mạng nhưng không phải là người có công với cách mạng nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo có nhân thân không tốt, ngày 24/6/2007 có hành vi xuất cảnh trái phép, vi phạm Điều 274 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, do đối tượng Rơ Lan N vi phạm lần đầu, khai báo thành khẩn nên Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Gia Lai không khởi tố mà giao cho chính quyền địa phương, gia đình giáo dục, quản lý.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, nguyên nhân phạm tội, xét thấy rằng, mặc dù bị cáo nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân không tốt, trước đó đã có hành vi vi phạm pháp luật hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách liều lĩnh (trộm cắp vào ban ngày, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, tài

sản do Công an xã quản lý), tài sản chiếm đoạt có giá trị ở mức cao của khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Do đó, cần thiết xử phạt bị cáo mức hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong cộng đồng.

Về vật chứng vụ án:

- Đối với chiếc xe mô tô BKS: 81U1–118.05, nhãn hiệu Exciter, màu vàng xanh. Quá trình điều tra xác định vào ngày 30/03/2017, Rơ Mah G cho Rơ Lan T, sinh năm 1996, trú tại: Làng P, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai mượn để đi chơi và bị Công an xã I tạm giữ. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 20 ngày 21/04/2017 trả lại chiếc xe cho Công an xã Iđể tiếp tục giải quyết vụ việc là có căn cứ.

- Đối với 01 chiếc kìm cộng lực là công cụ bị cáo dùng để phạm tội. Đây là tài sản hợp pháp của bà Rơ Lan H (mẹ của bị cáo). Bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội bà H không hay biết. Bà Rơ Lan H đề nghị được nhận lại tài sản này. Do đó, cần tuyên trả lại cho bà H.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Rơ Lan N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 45 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Rơ Lan N 12 (Mười hai) tháng tù. Được trừ đi 03 ngày bị cáo bị tạm giữ. Hình phạt tù còn lại phải chấp hành là 11 (Mười một tháng) 27 (Hai mươi bảy ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý tang vật vụ án:

Áp dụng điều 41 của Bộ luật hình sự, Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên trả lại cho bà Rơ Lan H: 01 chiếc kìm cộng lực được làm bằng kim loại cán dài 65cm, màu đen hai tay cầm được bảo vệ bằng nhựa màu đen dài 10cm, lưỡi dài 15 cm, có kí hiệu MEINFA. Giữa phần lưỡi và phần cán được nối bằng khối kim loại màu đen dài 10cm (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/6/2017 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND huyện Đ;
- CA huyện Đ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Sở tư pháp;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- NĐ DS, Người LQ;
- Lưu HS THA; CCTHADS
- Lưu HSVA.

Lại Hùng Hưng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Khả Hòa **Lê Đình Hưng** **Lại Hùng Hưng**